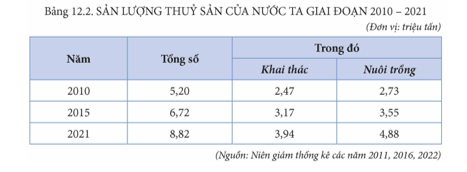
# Bài 12: Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thuỷ sản

**Giải Địa lí 12 Bài 12: Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thuỷ sản**  
**Mở đầu trang 57 Địa Lí 12**: Lâm nghiệp và thủy sản là các ngành không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế - xã hội mà còn có ý nghĩa to lớn trong việc đảm bảo cân bằng sinh thái và bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước. Ngành lâm nghiệp và thủy sản ở nước ta phát triển dựa trên thế mạnh nào, phát triển và phân bố ra sao?  
**Lời giải:**  
- Ngành lâm nghiệp:  
+ Thế mạnh: diện tích rừng lớn hươn 14745,2 nghìn ha; rừng nhiều loại gỗ giá trị; điều kiện địa hình, đất, khí hậu thuận lợi; tăng cường nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ,…  
+ Sự phát triển và phân bố: giá trị sản xuất chiếm 3% khu vực nông – lâm – thủy sản; khai thác, chế biến lâm sản; trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng.  
- Ngành thủy sản:  
+ Thế mạnh: vùng biển nguồn lợi hải sản phong phú; nhiều vũng, vịnh, đầm phá, rừng ngập mặn,…; nhân dân nhiều kinh nghiệm; phương tiện tàu thuyền, ngư cụ ngày càng hiện đại; thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng,…  
+ Sự phát triển và phân bố: giá trị sản xuất chiếm 26,3% khu vực nông – lâm – thủy sản; khai thác thủy sản chiếm 44,6% tổng sản lượng thủy sản; nuôi trồng thủy sản phát triển nhanh, luôn cao hơn sản lượng khai thác.  
**I. Vấn đề phát triển ngành nông nghiệp**  
**Câu hỏi trang 58 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 1, hãy phân tích thế mạnh và hạn chế để phát triển ngành lâm nghiệp ở nước ta.  
**Lời giải:**  
- Thế mạnh:  
+ Tổng diện tích rừng năm 2021 là 14745,2 nghìn ha, rừng tự nhiên chiếm 69%, còn lại là rừng trồng; tỉ lệ che phủ rừng đạt 42%. Các vùng có diện tích rừng lớn nhất: Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
+ Rừng có nhiều loại gỗ tốt (đinh, lim, nghiến, táu,…), nhiều loại lâm sản có giá trị. Nhiều vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển.  
+ Mỗi năm có khả năng khai thác hơn chục triệu m3 gỗ, hàng trăm triệu cây tre, luồng, nứa,…  
+ Điều kiện địa hình, đất, khí hậu thuận lợi cho trồng rừng, khoanh nuôi tự nhiên và bảo vệ rừng. Nhiều chính sách phát triển lâm nghiệp được triển khai.  
+ Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ, chế biến sâu, phát triển sản phẩm, thương hiệu và thị trường trong tất cả các khâu của chuỗi giá trị ngành lâm nghiệp.  
- Hạn chế:  
+ Chất lượng rừng thấp, chủ yếu là rừng thứ sinh mới phục hồi. Năng suất rừng trồng tuy được cải thiện nhưng vẫn còn thấp.  
+ Sự hợp tác, liên kết giữa các doanh nghiệp sản xuất, chế biến với người trồng rừng còn hạn chế.  
**Giải Địa lí 12 trang 59**  
**Câu hỏi trang 59 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 2, hãy trình bày tình hình phát triển và phân bố của ngành lâm nghiệp nước ta.  
**Lời giải:**  
- Năm 2021, giá trị sản xuất ngành chiếm khoảng 3% cơ cấu giá trị sản xuất khu vực nông – lâm – thủy sản. Tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 6,5%/năm.  
- Những tiến bộ khoa học – công nghệ đã được áp dụng vào tất cả các hoạt động của ngành lâm nghiệp như công nghệ sinh hoạt và giống cây rừng, công nghệ chế biến lâm sản, trồng rừng, công nghệ điều tra, giám sát và quản lí cơ sở dữ liệu về tài nguyên rừng,…  
+ Khai thác, chế biến lâm sản: sản lượng khai thác gỗ rừng trồng tăng, khai thác rừng tự nhiên được quản lí chặt chẽ theo hướng bền vững. Năm 2021, sản lượng gỗ khai thác đạt 18,8 triệu m3. Các sản phẩm chế biến gỗ quan trọng là gỗ tròn, gỗ xẻ, ván sàn, đồ gỗ, gỗ lạng,… Vùng có sản lượng gỗ khai thác nhiều nhất là Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (chiếm 59,1% cả nước), Trung du và miền núi Bắc Bộ (chiếm 26,4% cả nước). Các lâm sản măng, mộc nhĩ, dược liệu cũng được khai thác. Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản, dịch vụ thương mại ngày càng gắn kết chặt chẽ với các vùng nguyên liệu.  
+ Trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng: trồng rừng được quan tâm đẩy mạnh, diện tích rừng trồng mới tập trung ngày càng tăng. Trung bình mỗi năm trồng mới khoảng 200 nghìn ha rừng tập trung. Năm 2021, có gần 4600 nghìn ha rừng trồng tập trung, chủ yếu là rừng làm nguyên liệu giấy, rừng gỗ trụ mỏ, rừng thông nhựa,… Công tác khoanh nuôi và bảo vệ rừng góp phần bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có, bước đầu đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu.  
  
**Câu hỏi trang 59 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 3, hãy trình bày vấn đề quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta.  
**Lời giải:**  
- Xây dựng và thực hiện chính sách quản lí hệ sinh thái rừng, sử dụng tài nguyên thiên nhiên bền vững theo quy định của pháp luật.  
- Rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội có tác động tiêu cực đến diện tích, chất lượng rừng, đặc biệt là với rừng tự nhiên, rừng phòng hộ.  
- Giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, nhất là đối với các dự án phát triển thủy điện, khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch,…  
- Đẩy mạnh trồng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ ven biển, ven sông, rừng đầu nguồn; trồng rừng mới, trồng lại rừng sau khai thác; khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh phục hồi, bổ sung rừng, nâng cao giá trị của rừng.  
- Nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển rừng cho người dân vùng rừng; nâng cao năng lực của lực lượng trực tiếp quản lí, bảo vệ rừng thông qua việc tham gia các chương trình tập huấn, đào tạo chuyên môn,… từ các dự án do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ.  
- Trao quyền sử dụng đất rừng lâu dài cho chủ sử dụng; tăng cường quản lí rừng dựa vào cộng đồng, ổn định cuộc sống lâu dài với nghề rừng, nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên rừng.  
**II. Vấn đề phát triển ngành thủy sản**  
**Câu hỏi trang 60 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 1, hãy phân tích thế mạnh và hạn chế đối với phát triển ngành thủy sản nước ta.  
**Lời giải:**  
- Thế mạnh:  
+ Vùng biển có nguồn lợi hải sản phong phú, tổng trữ lượng hải sản khoảng 4 triệu tấn, khai thác bền vững khoảng 1,5 triệu tấn mỗi năm. Biển có hơn 2000 loài cá, 2500 loài nhuyễn thể, 600 loài rong biển, khoảng 140 loài cá và 100 loài tôm có giá trị kinh tế cao. Có nhiều đặc sản như hải sâm, bào ngư,… Có nhiều ngư trường, 4 ngư trường trọng điểm là Hải Phòng – Quảng Ninh, Hoàng Sa – Trường Sa, Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa Vũng Tàu và Cà Mau – Kiên Giang.  
+ Dọc bờ biển nhiều vũng, vịnh, đầm phá, rừng ngập mặn, nhiều hệ thống sông, cửa sông ra biển, thuận lợi hình thành bãi tôm, cá và nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ và nước ngọt.  
+ Nhân dân nhiều kinh nghiệm trong khai thác và nuôi trồng thủy sản, trình độ lao động được nâng cao, thuận lợi ứng dụng khoa học – công nghệ tiên tiến vào sản xuất.  
+ Phương tiện tàu thuyền, ngư cụ được trang bị ngày càng hiện đại. Dịch vụ nghề cá và cơ sở chế biến thủy sản ngày càng mở rộng và nâng cấp. Công nghệ mới được áp dụng trong ngành thủy sản, đem lại năng suất, hiệu quả, truy xuất được nguồn gốc,… đáp ứng nhu cầu của thị trường và hướng tới phát triển bền vững.  
+ Thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng cả trong và ngoài nước. Các mặt hàng thủy sản thâm nhập vào thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản. Những đổi mới trong chính sách của Nhà nước đã và đang có tác động tích cực tới sự phát triển của ngành thủy sản: đầu tư vốn, khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi và giữ vững chủ quyền biển đảo.  
- Hạn chế:  
+ Hàng năm, bão, áp thấp nhiệt đới hạn chế số ngày ra khơi đánh bắt, gây thiệt hại cho nuôi trồng.  
+ Một số vùng ven biển và các lưu vực sông môi trường bị suy thoái, nguồn lợi thủy sản suy giảm.  
+ Công nghệ khai thác, bảo quản và chế biến thủy sản ở một số vùng còn hạn chế.  
**Giải Địa lí 12 trang 61**  
**Câu hỏi trang 61 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 2, hãy trình bày sự chuyển dịch cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố của ngành thủy sản nước ta.  
**Lời giải:**  
- Sự chuyển dịch cơ cấu: ngành nuôi trồng thủy sản có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn ngành đánh bắt (3,5% so với 1,8% năm 2021). Tổng sản lượng thủy sản cả khai thác và nuôi trồng đều tăng lên rõ rệt trong giai đoạn 2010 – 2021.  
- Tình hình phát triển và phân bố:  
+ Khai thác thủy sản: sản lượng năm 2021 đạt hơn 3,9 triệu tấn, chiếm 44,6% tổng sản lượng thủy sản. Đẩy mạnh khai thác xa bờ, chú trọng kiểm soát vùng đánh bắt và truy xuất nguồn gốc đánh bắt. Vùng có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất là Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (chiếm 42,7% tổng sản lượng khai thác cả nước), ĐB sông Cửu Long (38,3%). Các tỉnh đứng đầu sản lượng khai thác: Kiên Giang, Cà Mau, Bình Định, Bình Thuận, Bến Tre,…  
+ Nuôi trồng thủy sản: phát triển với tốc độ nhanh, sản lượng luôn cao hơn khai thác. Phát triển theo hình thức trang trại công nghệ cao, nuôi hữu cơ,… đa dạng hóa đối tượng nuôi trồng. Sản phẩm thủy sản ngày càng đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và các tiêu chuẩn quốc tế. Nhiều sản phẩm thủy sản nuôi trồng đã qua chế biến được xuất khẩu đến các thị trường lớn: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản,… Vùng nuôi trồng lớn nhất là ĐB sông Cửu Long (chiếm 69,8% sản lượng nuôi trồng cả nước), ĐB sông Hồng (17,3%).  
  
**Luyện tập trang 61 Địa Lí 12**: Dựa vào bảng 12.2, hãy nhận xét và giải thích sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 2010 – 2021.  
  
**Lời giải:**  
Nhìn chung, tổng sản lượng thủy sản bao gồm cả khai thác và nuôi trồng của nước ta đều tăng lên rõ rệt trong giai đoạn 2010 – 2021, từ 5,20 triệu tấn năm 2010 lên 8,82 triệu tấn năm 2021, tăng 3,62 triệu tấn. Trong đó ngành nuôi trồng thủy sản có sản lượng tăng nhanh hơn ngành khai thác thủy sản, cụ thể:  
- Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng từ 2,73 triệu tấn năm 2010 lên 4,88 triệu tấn năm 2021, tăng 2,15 triệu tấn. Sự tăng lên này là vì hoạt động nuôi trồng được phát triển theo hình thức trang trại công nghệ cao, nuôi hưu cơ và đa dạng hóa đối tượng nuôi trồng.  
- Sản lượng thủy sản khai thác tăng từ 2,47 triệu tấn năm 2010 lên 3,94 triệu tấn năm 2021, tăng 1,47 triệu tấn. Sự tăng lên do đẩy mạnh khai thác xa bờ, cải tiến hiện đại các phương tiện tàu thuyền và ngư cụ đánh bắt.  
  
**Vận dụng trang 61 Địa Lí 12**: Sưu tầm thông tin, hình ảnh về hoạt động khoanh nuôi và bảo vệ rừng ở Việt Nam.  
**Lời giải:**  
Khoanh nuôi, bảo vệ trên 5.846 ha rừng tại huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu.  
Xã Phúc Khoa, huyện Tân Uyên hiện có 5846,94 ha đất có rừng; trong đó rừng phòng hộ 655,84 ha; rừng đặc dụng 5137,03 ha, rừng sản xuất 83,81 ha. Đề đảm bảo công tác bảo vệ rừng, UBND xã chỉ đạo các đồng chí Trưởng bản cho người dân ký cam kết bảo vệ rừng gắn với phòng cháy, chữa cháy rừng; từng hộ gia đình chủ động chuẩn bị phương tiện, dụng cụ chữa cháy. Công tác tuyên truyền về quản lý bảo vệ rừng luôn được UBND xã chỉ đạo bảo lâm phối hợp kiểm lâm địa bàn xây dựng kế hoạch tuần tra, kiểm tra rừng; chủ động các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng cho các tổ tại các bản. Phân công, giao nhiệm vụ và gắn trách nhiệm cho các thành viên trong công tác tuần tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi xâm hại rừng. Ðồng thời vận động, hướng dẫn Nhân dân phát, đốt nương đúng quy trình, không để lửa cháy lan vào rừng; tổ chức phát dọn thực bì thường xuyên; phát đường băng cản lửa tại những vị trí giáp ranh các khu rừng. Duy trì và phát triển tổ quản lý bảo vệ rừng tại các bản về quy mô cũng như chất lượng để thực hiện hiệu quả công tác tuần tra, kiểm soát, không để xảy ra cháy rừng và chặt phá rừng trái phép.  
  
**Xem thêm lời giải sách giáo khoa Địa lí lớp 12 Kết nối tri thức hay, chi tiết khác:**  
Bài 13: Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp  
Bài 14: Thực hành: Tìm hiểu vai trò ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; vẽ biểu đồ và nhận xét về ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản  
Bài 15: Chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp  
Bài 16: Một số ngành công nghiệp  
Bài 17: Tổ chức lãnh thổ công nghiệp